



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Năm báo cáo 2014

## I. Thông tin chung

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Vốn điều lệ: 200.000.000.000 vnd

Nhà máy: Khu công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành - Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu,

Điện thoại: 84-64-392.36.36/7/8 Fax: 84-64-392.38.89

Email: [tnsteel@tnsteel.vn](mailto:tnsteel@tnsteel.vn)

Website: [www.tnsteel.vn](http://www.tnsteel.vn)

Thiết bị chính được đầu tư theo công nghệ tiên tiến và hiện đại nhất của Mỹ do nhà sản xuất máy cán nguội uy tín và chuyên nghiệp INTERGRATED INDUSTRIAL SYSTEMS ( I<sup>2</sup>S ) với công suất vận hành : 200.000 tấn / năm. Đặc điểm nổi bật nhất của máy cán nguội 4 trục đảo chiều bao gồm :

1. Hệ thống tự động điều khiển độ dày của thép ( automatic gage control system )
2. Hệ thống tự động điều khiển độ phẳng của thép ( ABB automatic flatness control system )
3. Hệ thống biến tần ACS 800 của ABB
4. General Electric RX7i Programmable Logic Controller

Máy cán được thiết kế với 2 truyền động độc lập cho 2 trục cán, giúp dễ dàng điều khiển 2 trục cán ( trục trên và trục dưới ) có cùng vận tốc dài trong quá trình cán ngay cả trong trường hợp 2 trục cán có đường kính khác nhau, đặc điểm này rất quan trọng trong việc kiểm soát Tension và loại bỏ khả năng trượt trong khi cán. Đồng thời máy cán cũng được trang bị 2 trục Shapemeter roll ở đầu vào và đầu ra của máy cán giúp cho máy cán có thể điều chỉnh được thông số độ phẳng một cách tối ưu nhất mà các máy thế hệ cũ không được trang bị đầy đủ, đây cũng là thông số quan trọng nhất mà các khách hàng sử dụng thép cán nguội quan tâm. Đặc điểm sản phẩm thép cuộn cán nguội của TNFS như sau:



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

---

Chiều dày: 0,15 ÷ 1,8 mm

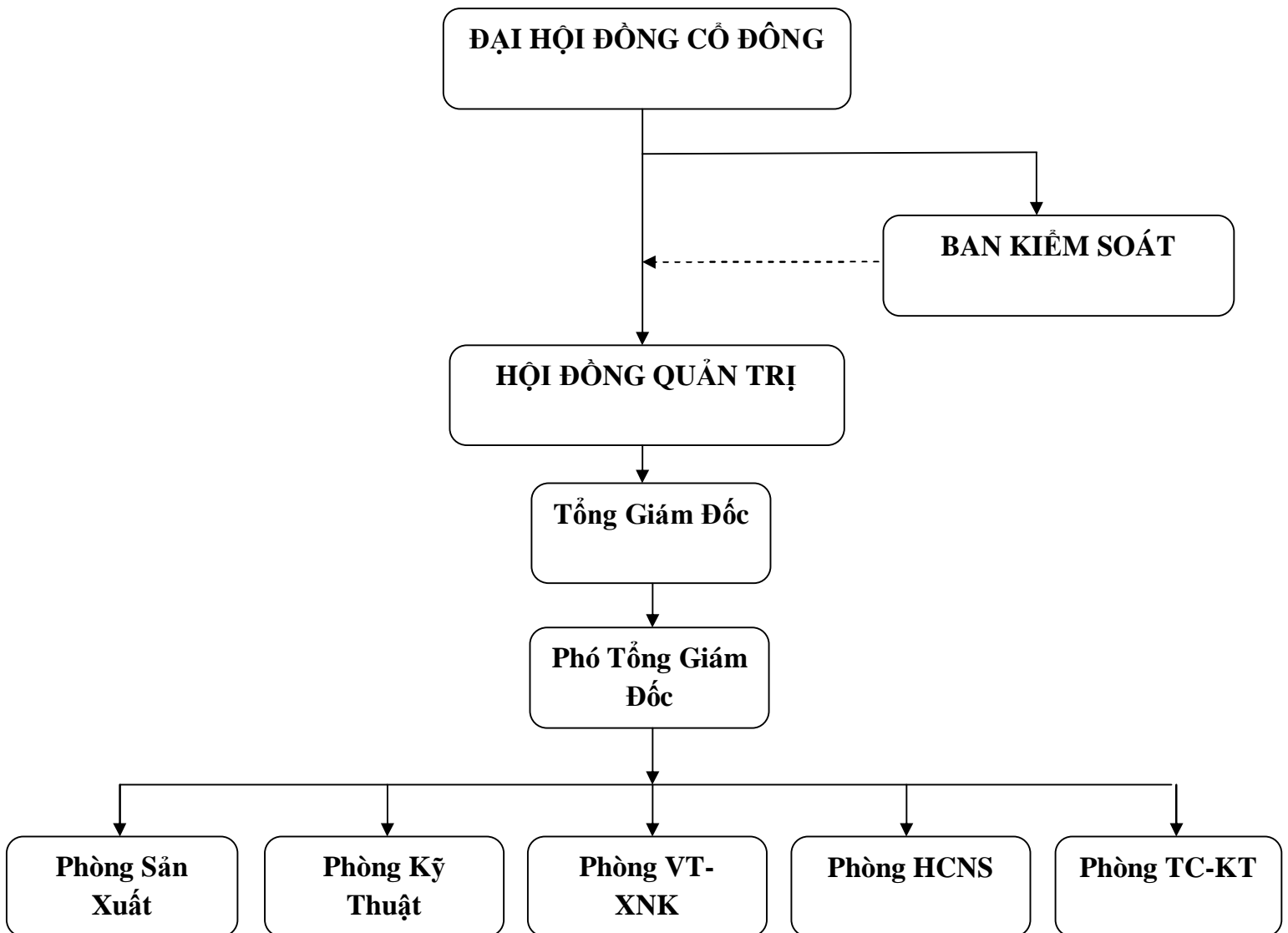
Chiều rộng: 650 ÷ 1.250 mm

Tất cả các sản phẩm của công ty CP thép tấm lá Thông Nhất được sản xuất và kiểm tra theo các quy trình nghiêm ngặt trước khi xuất xưởng giao cho khách hàng và đạt theo tiêu chuẩn quốc tế của Nhật Bản là JIS G3141:06.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên chuyên nghiệp, đa phần đã có kinh nghiệm nhiều năm làm việc tại các nhà máy cán nguội lớn và được đào tạo bởi các chuyên gia hàng đầu thế giới tại Mỹ, được tổ chức và hoạt động theo tinh thần Teamwork. Công ty luôn cam kết với các đối tác cũng như khách hàng về việc đem lại những sản phẩm chất lượng tốt nhất và dịch vụ hoàn hảo nhất, luôn hướng đến và xem lợi ích cũng như thành công của khách hàng là lợi ích và thành công của mình.

Với mong muốn trở thành một trong những công ty thép sản xuất thép tấm lá hàng đầu Việt Nam và khu vực, slogan “ More satisfied – Hải lòng hơn nữa” của TNFS thể hiện chính sách nhất quán và phương châm kinh doanh là hướng về lợi ích của khách hàng, thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng. Khách hàng sẽ ngày càng hài lòng khi càng làm ăn với TNFS, không những về chất lượng sản phẩm mà cả cung cách phục vụ và TNFS luôn tuân thủ và thực hiện các cam kết với khách hàng.

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



## II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013

### 1. Tình hình sản xuất:

Công ty Cổ phần thép tấm lá Thông Nhất (TNFS) đã chuyển sang hình thức gia công cán nguội từ tháng 4/2012, các khách hàng chủ yếu là các Cty sản xuất tôn mạ trong nước như HSG, NKG, Tôn Đông Á, Trung Nguyên,...

Mặc dù nền kinh tế còn khó khăn nhưng Ngành tôn mạ năm 2013 tiếp tục tăng trưởng 29,24% so với năm 2012, đạt sản lượng sản xuất 1,8 triệu tấn, tiêu thụ 1,3 triệu tấn. Các công ty mạ tốp đầu như HGS, NKG, Tôn Đông Á đã có tăng trưởng rất mạnh trong năm 2013, tạo thuận lợi trong việc gia tăng sản lượng gia công của TNFS năm 2013.

Chất lượng sản phẩm và dịch vụ được nhiều khách hàng đánh giá cao và tin dùng và lựa chọn số một khi khách hàng có nhu cầu gia công thép cán nguội tại Việt Nam.

Theo báo cáo của Hiệp hội thép Đông Nam Á (SEASI), Việt Nam là nước có số lượng lớn nhất các dự án sản xuất thép mới trong khu vực Đông Nam Á, dự án quan trọng nhất đã đi vào hoạt động trong năm 2013 là Công ty China Steel Sumikin Việt Nam đã bắt đầu hoạt động trong tháng 10 với tổng công suất sản xuất 1,2 triệu tấn trong đó 500.000 tấn mỗi năm cho cán nguội, ngoài ra các công ty mạ cũng đã tự đầu tư dây chuyền cán nguội như Nam Kim, Đại Thiên Lộc, Tôn Đông Á nâng tổng công suất sản xuất CRC tại Việt Nam lên 4.570.000T/năm theo thiết kế. Trong khi sản lượng sản xuất tiêu thụ của các công ty cán nguội trong năm 2013 là 1,6 triệu. Như vậy gia công CRC trong lúc thị trường **Cung vượt quá xa cầu** thực sự là một khó khăn;

Xu hướng giá gia công giảm trong khi chi phí đầu vào như điện, nước, dầu, ... đều tăng trong năm 2013;

Tình hình tài chính công ty trong năm 2013 vẫn tiếp tục khó khăn.

### 2. Tình hình kinh doanh:

a. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Sản lượng sản xuất trong năm 2013 như sau:

	Tổng cộng	108,736
	% KH năm (80000 tấn)	136%

**Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 (xem BCTC bên dưới):**

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện		
		2012	2013	% tăng giảm
1	Tổng sản giá trị tài sản (triệu đồng)	562,548	527,415	↓7 %
2	Doanh thu thuần ( triệu đồng)	351,999	146,027	↓59 %
3	Lợi nhuận từ SXKD (triệu đồng)	(79,055)	8,016	
4	Lợi nhuận khác ( triệu đồng)	(59)	317.743	
5	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	(79,115)	7,698	
6	Lợi nhuận sau thuế ( triệu đồng)	(79,115)	7,698	

Các chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:  TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:			



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

<u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn			
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	1.04	1.02	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán (triệu đồng)</u>	0.896	29,23	
Hàng tồn kho bình quân <u>(triệu đồng)</u>	0.63	0,28	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,053	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0,015	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,055	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			
.....			

b. Giải trình kết quả hoạt động SXKD 2013:



- Năm nay tình hình tài chính của Công ty có tốt lên, hoạt động kinh doanh có lãi do Công ty đã chuyển sang gia công với khách hàng chính là Tổng Công thép Việt Nam. Các Hợp đồng gia công đảm bảo cho Công ty có đủ lợi nhuận để hoạt động, thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn.

### **3. Tình hình nhân sự :**

- Kịp thời tái cấu trúc lại phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn và cắt giảm chi phí. Sau khi tái cấu trúc đã mang lại những hiệu quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, nhân sự giảm từ 88 xuống còn 85 người, giải quyết hợp lý, đúng luật định và không có trường hợp khiếu kiện, khiếu nại.

Chi phí quản lý DN giảm 31.27% so với 2012 nhờ chương trình cắt giảm chi phí và kiểm soát nội bộ thuận lợi hơn.

- Việc đánh giá CBCNV đảm bảo đúng qui trình (KPI), thu nhập bình quân năm 2013 đạt 6,2 triệu đồng /tháng/người, tăng 31.9% so với năm 2012.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 100% CBCNV, thực hiện thường xuyên công tác phòng chống dịch bệnh, phối hợp ban an toàn lao động kiểm tra nhắc nhở thực hiện công tác an toàn lao động vệ sinh trong toàn nhà máy, an toàn vệ sinh thực phẩm.

### **III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

Hội đồng quản nhiệm kỳ 2012 đến 2017 trị gồm 7 thành viên:

1. Ông Huỳnh Công Du - Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 12/3/2012 đến ngày 31/10/2013)
2. Ông Trần Quang - Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/11/2013
3. Ông Nguyễn Minh Xuân - Ủy viên từ 12/3/2012 đến ngày 31/10/2013
4. Ông Nguyễn Ngọc Anh - Ủy viên
5. Ông Hồ Quang Thiệp - Ủy viên
6. Ông Trần Ngọc Tuấn - Ủy viên
7. Ông Nguyễn Văn Đại - Ủy viên
8. Ông Tạ Ngọc Long - Ủy viên từ ngày 01/11/2013
9. Võ Thị Lệ Châu - Ủy viên từ ngày 01/11/2013



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

**1. Tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2013:**

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2013 ngày 04 tháng 3 năm 2013, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng Hội đồng quản trị đã bám sát diễn biến của thị trường cũng như tình hình tài chính của công ty để đưa ra những quyết sách phù hợp, lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn. Sản lượng sản xuất năm 2013 là 108,736 tấn đạt 136% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHCĐ 2013; Chất lượng sản phẩm Loại 1: đạt 99%, Loại 2 tối đa 1%; Tiêu hao được kiểm soát tốt và đều thấp hơn định mức; Trong năm 2013 không xảy ra sự cố lớn về công nghệ cũng như an toàn lao động.

**2. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

- a. Các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị :

Nhằm theo sát tình hình hoạt động của công ty, kịp thời đề ra các chủ trương, chỉ đạo điều hành phù hợp với diễn biến nền kinh tế, trong năm 2013, Hội đồng Quản trị đã tiến hành nhiều cuộc họp qua đó một số chủ trương, quyết sách quan trọng đã được Hội đồng quản trị thông qua như sau:

STT	Số nghị quyết	Thời gian	Các nội dung được thông qua
1	01/NQ.HĐQT	08/3/2013	- Thông qua kết quả SXKD năm 2012 và kế hoạch 80.000 tấn năm 2013 -Xác nhận số liệu nhận nợ VNS đã trả thay cho TNS theo trách nhiệm bảo lãnh -Thông qua các nội dung chuẩn bị cho đại hội đồng cổ đông năm 2013
2	02/NQ. HĐQT	17/5/2013	-Thông qua báo cáo kết quả SXKD 4 tháng đầu năm 2013 và kế hoạch 3 tháng tiếp theo





**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

			- HĐQT yêu cầu Ban điều hành đẩy nhanh tiến độ sáp nhập vào VNS theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2013
3	03/NQ.HĐQT	08/9/2013	<p>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2013.</p> <p>- Thống nhất phương án trả nợ 6 tháng cuối năm 2013 và chọn phương án khấu hao thiết bị chính là 20 năm</p> <p>- HĐQT yêu cầu Ban điều hành lập kế hoạch trả nợ cho ngân hàng và nghiêm túc thực hiện, trong đó ưu tiên trả nợ dần cho Tổng Công ty</p>
4	04/NQ.HĐQT	01/11/2013	<p>Thống nhất thông qua kết quả bầu cử như sau:</p> <p>- Ông Trần Quang giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 01/11/2013</p> <p>- Ông Tạ Ngọc Long là thành viên HĐQT từ ngày 01/11/2013</p> <p>- Thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2013, kế hoạch trả nợ quý 4 năm 2013 và quý 1 năm 2014.</p>

b. Đánh giá thực hiện trách nhiệm của Hội đồng quản trị :



# TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT

Báo Cáo Thường Niên 2014

- Hoạt động của Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn ; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận cao của các cổ đông

- Việc công bố thông tin đảm bảo chính xác, kịp thời và tuân thủ về nội dung

c. Công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc :

- Hiện có 1 thành viên của Hội đồng quản trị là Tổng giám đốc của công ty vì vậy việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên khác không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị.

- Trong năm 2013 Tổng Giám Đốc đã điều hành và thực hiện tốt các quyết định của Hội đồng quản trị.

- Tổng giám đốc báo cáo thường xuyên cho Hội đồng quản trị qua thư điện tử và điện thoại về tình hình tài chính và tình hình tiến độ dự án của Công ty giúp Hội đồng quản trị tham gia ý kiến hoặc chỉ đạo trực tiếp kịp thời và hiệu quả đối với các vấn đề phát sinh quan trọng hoặc đột xuất.

### **3. Kế hoạch hoạt động của HĐQT 2014**

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị sẽ thực hiện các công việc sau :

- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2014, đề xuất trình Đại hội các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Chỉ đạo thúc đẩy tiến độ định giá và sáp nhập công ty .

- Tập trung chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành, đặc biệt trong các công tác triển khai các kế hoạch sản xuất, kinh doanh và tài chính.

- Tổ chức các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 1 lần để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổ chức các cuộc họp bất thường (có thể qua văn bản, điện thoại) để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

### **IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Trong năm 2013, Ban Kiểm Soát tiến hành các hoạt động sau:



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

- Kiểm soát, giám sát tính hợp pháp, hợp lý trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty liên quan đến việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2013

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

**1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Điều Hành:**

a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013

Stt	Chi tiêu	Thực hiện năm 2013		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành KH
1	Sản lượng SX thành phẩm ( tấn)			
2	Sản lượng gia công ( tấn)	54.000	108.489	200,9%
3	Tổng sản lượng sản xuất ( tấn)			
4	Tổng sản lượng tiêu thụ GC (tấn)	54.000	106.887	197,9%
5	Doanh thu thuần ( triệu đồng)	85.784	146.027	170,2%
6	Chi phí quản lý (triệu đồng)	8.606	7.393	85,9%
7	Chi phí bán hàng ( triệu đồng )			
8	Chi phí tài chính ( triệu đồng)	53.134	50.391	94,8%
	Trong đó:			
	- Chi phí lãi vay	48.556	42.231	86,9%
	- Chênh lệch tỷ giá	4.577	8.160	178,2%
9	Lợi nhuận trước thuế ( triệu đồng)	(23.856)	7.698	

Từ kết quả SX-KD thực hiện năm 2013, ban kiểm soát nhận thấy :

Tổng doanh thu thuần thực hiện trong năm 2013 bằng 41,5% so với thực hiện năm 2012 do năm 2013 Công ty không trực tiếp sản xuất kinh doanh thành phẩm CRC. Trong năm 2013, Công ty chỉ thực hiện gia công sản phẩm theo đơn hàng của Tổng công ty và các khách hàng bên ngoài thể hiện qua doanh thu gia công đạt **130.748.931.459** đồng chiếm 89.50% trên tổng doanh thu thuần; Doanh thu gia công năm 2013 bằng 258,9 % so với thực hiện năm 2012.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Trong năm 2013, giá vốn hàng bán của Công ty giảm **273.286.620.645** đồng do Công ty không trực tiếp sản xuất kinh doanh thành phẩm CRC làm giá vốn thành phẩm giảm **299.042.998.571** đồng; Tổng giá vốn gia công tăng so với thực hiện năm 2012 là **29.743.132.911** đồng do sản lượng gia công tăng. Tuy nhiên giá vốn gia công bình quân/tấn sản phẩm gia công năm 2013 giảm 13,2 % so với giá vốn gia công bình quân/tấn sản phẩm gia công thực hiện năm 2012.

Lợi nhuận gộp từ hoạt động gia công là **65.050.601.715** đồng giúp Công ty đủ bù đắp chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay **42.230.634.264** đồng là lãi vay của các hợp đồng vay dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy **25.652.548.558** đồng và lãi vay mua nguyên vật liệu trả chậm của Tổng công ty và các Công ty trong hệ thống Tổng Công ty **16.578.085.706** đồng và **8.160.647.413** đồng lỗ do chênh lệch tỷ giá; Đủ bù đắp chi phí quản lý là **7.392.745.686** đồng và Công ty có lợi nhuận trước thuế TNDN là **7.698.397.431** đồng. Công ty được chuyển lỗ từ các năm trước nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2013, do vậy lợi nhuận sau thuế TNDN thực hiện năm 2013 là **7.698.397.431** đồng.

Khấu hao tài sản cố định hạch toán vào năm 2013: **27.844.735.557** đồng, 6 tháng đầu năm các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm sản xuất. 6 tháng cuối năm các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Công ty đang áp dụng mức thời gian trích khấu hao tối đa đối với máy móc thiết bị theo thông tư 45 ngày 25/4/2013 của Bộ tài chính là 20 năm.

Trong năm 2013, Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP đã thực hiện bảo lãnh các khoản vay dài hạn của Công ty với các Ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP đã trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty với các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam là **35.040.047.552** đồng.

b. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty năm 2013:

- Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đang được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C thực hiện việc kiểm toán theo quy định.

- Ban kiểm soát đồng ý với các đánh giá về hoạt động SXKD và tài chính trong báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

- Quỹ lương của Công ty, thù lao thành viên HĐQT, BKS thực hiện đúng theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế quản lý của Công ty.

**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (VNĐ)**

**(Số đến 31/12/2013)**

STT	CHỈ TIÊU	Ngày 01/01/2013	Ngày 31/12/2013
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>55.185.617.114</b>	<b>44.184.586.103</b>
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	4.463.825.835	4.346.337.232
2	Các khoản phải thu	6.221.013.614	5.741.123.456
3	Hàng tồn kho	27.309.433.430	33.021.792.708
4	Tài sản ngắn hạn khác	17.191.344.235	1.075.332.707
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>507.362.930.605</b>	<b>483.230.821.294</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>488.635.535.536</b>	<b>464.783.167.253</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	488.635.535.536	464.783.167.253
	Nguyên giá	536.537.045.728	540.155.520.242
	Giá trị hao mòn lũy kế	(47.901.510.192)	(75.372.352.989)
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>18.727.395.069</b>	<b>18.447.654.041</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	18.727.395.069	18.447.654.041



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>562.548.547.719</b>	<b>527.415.407.397</b>
<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>582.467.871.304</b>	<b>539.636.333.551</b>
1	Nợ ngắn hạn	244.200.768.569	250.286.530.816
2	Nợ dài hạn	338.267.102.735	289.349.802.735
<b>D</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>(19.919.323.585)</b>	<b>(12.220.926.154)</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(219.919.323.585)	(212.220.926.154)
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>562.548.547.719</b>	<b>527.415.407.397</b>

Ban Kiểm soát nhận thấy

Trên bảng cân đối kế toán có điều chỉnh số liệu tại ngày 01/01/2013 so với báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012 do chỉ tiêu thuế và các khoản phải nộp nhà nước đã tăng số phải nộp từ **220.250.387** đồng lên **955.190.877** đồng do Công ty bị truy thu thuế giá trị gia tăng và nhập khẩu do kê khai sai mã số, thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng. Điều này dẫn tới chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2013 tăng lỗ thêm 734.940.490 đồng từ lỗ **219.184.383.095** đồng tăng lỗ lên **219.919.323.585** đồng so với báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012.

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, Công ty đã đạt tổng lợi nhuận trước thuế là **7.698.397.431** đồng giúp nguồn vốn chủ sở hữu từ âm 19,9 tỷ đồng xuống còn âm 12,2 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2013 nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là **206.101.944.713** đồng.

c. Về hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành:

- Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2013 theo đúng tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

d. Về sự phối hợp hoạt động giữa các Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

- Ban kiểm soát nhận thấy các thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà cổ đông đã giao phó. Trong năm 2013, theo đề nghị của Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát đã cùng tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị để giám sát và có ý kiến trực tiếp tới các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.

**V. Báo cáo tài chính năm 2013:**

1. Báo cáo kiểm toán năm 2013

- **Ý kiến của Kiểm toán viên độc lập**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thép tấm lá Thông Nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số VII.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về khoản lỗ lũy kế của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 212.220.926.154 VND và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn một khoản là 206.101.944.713 VND. Những điều kiện này, cùng với việc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2013 tiếp tục chủ trương sáp nhập vào Tổng Công ty thép Việt Nam theo phương thức hoán đổi cổ phiếu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, năm nay tình hình tài chính của Công ty có tốt lên, hoạt động kinh doanh có lãi do Công ty đã chuyển sang gia công với khách hàng chính là Tổng Công ty thép Việt Nam. Các Hợp đồng gia công đảm bảo cho Công ty có đủ lợi nhuận để hoạt động, thanh toán lãi và nợ gốc đến hạn. Ngoài ra, các khoản nợ vay ngân hàng được Tổng Công ty bảo lãnh và các khoản nợ khác của các Công ty trong cùng Tổng Công ty được cho trả dần nợ trong nhiều năm cho đến khi Công ty có khả năng trả nợ. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

2. Báo cáo cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>					
					Đơn vị tính: VND
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44,184,586,103</b>	<b>55,185,617,114</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>4,346,337,232</b>	<b>4,463,825,835</b>
1.	Tiền	111		4,346,337,232	443,825,835
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	4,020,000,000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5,741,123,456</b>	<b>6,221,013,614</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.2	5,696,110,628	16,971,242
2.	Trả trước cho người bán	132	V.3	45,012,828	3,064,401,830
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135		-	3,139,640,542
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>33,021,792,708</b>	<b>27,309,433,430</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.4	33,021,792,708	27,309,433,430
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	





TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

					-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,075,332,707</b>	<b>17,191,344,235</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	974,956,674	13,363,384,057
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.11	30,606,033	3,386,850,816
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	69,770,000	441,109,362
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
<b>Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)</b>					
	<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>483,230,821,294</b>	<b>507,362,930,605</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>464,783,167,253</b>	<b>488,635,535,536</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	464,783,167,253	488,635,535,536
	<i>Nguyên giá</i>	222		540,155,520,242	536,537,045,728
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(75,372,352,989)	(47,901,510,192)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-



TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

						-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-		-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-		-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-		-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-		-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>		<b>-</b>
	<i>Nguyên giá</i>	241		-		-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-		-
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>		<b>-</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-		-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		-		-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-		-
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>18,447,654,041</b>		<b>18,727,395,069</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	18,447,654,041		18,727,395,069
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-		-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-		-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>527,415,407,397</b>		<b>562,548,547,719</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013						
<b>Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)</b>						
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>539,636,333,551</b>		<b>582,467,871,304</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>250,286,530,816</b>		<b>244,200,768,569</b>



TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	117,316,945,530	71,406,897,978
2.	Phải trả người bán	312	V.10	85,931,636,763	137,322,664,555
3.	Người mua trả tiền trước	313		45,858,845	69,764,890
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	876,383,044	955,190,877
5.	Phải trả người lao động	315	V.12	1,221,650,727	592,395,992
6.	Chi phí phải trả	316	V.13	44,445,047,562	33,533,438,872
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	449,008,345	320,415,405
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>289,349,802,735</b>	<b>338,267,102,735</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.15	289,349,802,735	338,267,102,735
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(12,220,926,154)</b>	<b>(19,919,323,585)</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(12,220,926,154)</b>	<b>(19,919,323,585)</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.16	200,000,000,000	



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

TN FLAT STEEL

Báo Cáo Thường Niên 2014

					200,000,000,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.16	(212,220,926,154)	(219,919,323,585)
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>527,415,407,397</b>	<b>562,548,547,719</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013					
<b>Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)</b>					
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>					
	<b>CHỈ TIÊU</b>		<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.	Tài sản thuê ngoài			-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			28,354,725,000	13,968,134,200
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý			-	-



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

5.	Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)			300.97	1,445.89
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

3. Báo cáo luân chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013

<b>BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ</b>					
(Theo phương pháp gián tiếp)					
Năm 2013					
					Đơn vị tính: VND
CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		7,698,397,431	(79,849,862,308)
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	27,844,735,557	20,790,722,199
-	Các khoản dự phòng	03		-	(7,478,601,215)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	3,590,741,088	(204,660,118)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(187,911,330)	(304,231,262)
-	Chi phí lãi vay	06	VI.4	42,230,634,264	62,195,141,885
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		81,176,597,010	(4,851,490,819)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		4,207,474,303	55,539,728,221
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5,712,359,278)	287,137,208,775
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(51,258,160,078)	(358,939,766,434)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12,835,656,545	5,039,300,341
-	Tiền lãi vay đã trả	13	V.13, VI.4	(30,755,070,977)	(12,381,891,070)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		77,000,000	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(77,000,000)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>10,494,137,525</b>	<b>(28,456,910,986)</b>



TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	<i>doanh</i>					
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(4,159,855,408)	(1,651,183,635)	
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-	
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-	
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-	
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-	
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-	
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	187,911,330	304,231,262	
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3,971,944,078)</b>	<b>(1,346,952,373)</b>	

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.9, V.15	35,040,047,552	104,751,890,734
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.9, V.15	(41,650,800,000)	(87,514,490,021)



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

5.	Tiền chi trả nợ thuế tài chính		35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>40</b>		<b>(6,610,752,448)</b>	<b>17,237,400,713</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>50</b>		<b>(88,559,001)</b>	<b>(12,566,462,646)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>4,463,825,835</b>	<b>17,030,288,481</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61		(28,929,602)	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>		<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4,346,337,232</b>	<b>4,463,825,835</b>

4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2013.

**A. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất.
3. Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất thép tấm lá cán nguội và các sản phẩm sau cán.
4. Nhân viên  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 85 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 98 nhân viên).

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính
6. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 4 năm 2013 tiếp tục chủ trương sáp nhập vào Tổng Công ty thép Việt Nam theo hình thức hoán đổi cổ phiếu.  
Năm nay Công ty đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất và chuyển sang hoạt động gia công với khách hàng chính là Tổng Công ty thép Việt Nam. Đây là nguyên nhân làm cho doanh thu năm nay của Công ty giảm mạnh so với năm trước.

**I. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Năm tài chính  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**  
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Hàng tồn kho**  
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**  
Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.





**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	02 – 18,5
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15

6 tháng đầu năm các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm sản xuất. 6 tháng cuối năm các tài sản cố định thuộc dây chuyền cán và dây chuyền cuộn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

*Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy*

Là các thiết bị bán dẫn, phụ tùng thay thế cho máy cán có thời gian sử dụng trên 01 năm và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Chi phí quản lý dự án*

Chi phí quản lý dự án trong giai đoạn xây dựng cơ bản này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

*Chi phí đào tạo nhân viên*

Chi phí đào tạo nhân viên trong giai đoạn xây dựng cơ bản này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 03 năm.

*Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản*

Chênh lệch phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 05 năm

**8. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**9. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

**10. Nguồn vốn kinh doanh**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

**11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

*Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**12. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối

đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.083  
VND/USD 31/12/2012: 20.810 VND/USD

**13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

*Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm, hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

*Doanh thu gia công*

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

*Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**14. Tài sản tài chính**

*Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Công ty chỉ có nhóm các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**15. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

*Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**16. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

**17. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số **VII.1**.

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	72.132.915	2.999.690
Tiền gửi ngân hàng	4.274.204.317	440.826.145
Các khoản tương đương tiền (*)	-	4.020.000.000
Cộng	<u>4.346.337.232</u>	<u>4.463.825.835</u>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**2. Phải thu khách hàng**  
Phải thu khách hàng trong nước

**3. Trả trước cho người bán**  
Trả trước cho các nhà cung cấp trong nước

**4. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	31.334.065.998	26.626.705.413
Công cụ, dụng cụ	49.459.474	54.619.660
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.462.693.769	628.108.357
Hàng hóa	175.573.468	-
Cộng	<u>33.021.792.708</u>	<u>27.309.433.430</u>

**5. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	704.887.432	13.029.772.653
Chi phí dịch vụ tư vấn	-	90.000.000
Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản	270.069.242	243.611.404



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	Số cuối năm	Số đầu năm			
Cộng	974.956.674	13.363.384.057			
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>					
	Số cuối năm	Số đầu năm			
Tạm ứng	69.770.000	106.401.322			
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	334.708.040			
Cộng	69.770.000	441.109.362			
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	74.732.306.542	440.383.010.801	19.934.715.972	1.487.012.413	536.537.045.728
Mua sắm mới	160.351.960	3.999.503.448	-	-	4.159.855.408
Giảm khác <sup>(*)</sup>	(61.846.565)	(163.417.344)	(9.090.909)	(307.026.076)	(541.380.894)
Số cuối năm	74.830.811.937	444.219.096.905	19.925.625.063	1.179.986.337	540.155.520.242
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.797.682.873	37.106.839.797	5.331.686.356	665.301.166	47.901.510.192
Khấu hao trong năm	2.070.665.114	23.490.058.179	2.051.035.978	232.976.286	27.844.735.557
Giảm khác <sup>(*)</sup>	(19.618.864)	(87.941.097)	(3.131.328)	(263.201.471)	(373.892.760)
Số cuối năm	6.848.729.124	60.508.956.879	7.379.591.006	635.075.980	75.372.352.989
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	69.934.623.669	403.276.171.004	14.603.029.616	821.711.248	488.635.535.536
Số cuối năm	67.982.082.813	383.710.140.026	12.546.034.057	544.910.357	464.783.167.253
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

<sup>(\*)</sup> Điều chỉnh các tài sản không thỏa điều kiện là tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn theo hướng dẫn của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 389.561.728.632 VND và 339.315.207.543 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) (xem thuyết minh số **V.15**).

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Tăng khác	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ và sửa chữa máy	3.770.838.507	9.831.687.052	(8.523.615.903)	5.382.344.535	10.461.254.151
Chi phí quản lý dự án	1.330.997.996	-	(1.330.997.996)	-	-
Chi phí đào tạo nhân viên	2.603.596.248	-	(1.076.646.724)	(1.700.000)	1.525.249.524
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn XDCB	11.021.962.318	-	(4.560.811.992)	-	6.461.150.326
<b>Cộng</b>	<b>18.727.395.069</b>	<b>9.831.687.052</b>	<b>(15.492.072.615)</b>	<b>5.380.644.535</b>	<b>18.447.654.041</b>

**9. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác <sup>(i)</sup>	65.150.945.530	30.110.897.978
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số <b>V.15</b> )	52.166.000.000	41.296.000.000
<b>Cộng</b>	<b>117.316.945.530</b>	<b>71.406.897.978</b>

<sup>(i)</sup> Đây là khoản Tổng Công ty thép Việt Nam trả thay nợ gốc và lãi vay của Công ty cổ phần thép tấm lá Thông Nhất đối với các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam.

	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số dư cuối năm
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	30.110.897.978	35.040.047.552	-	-	-	65.150.945.530
Vay dài hạn đến hạn trả	41.296.000.000	-	52.250.000.000	270.800.000	(41.650.800.000)	52.166.000.000
<b>Cộng</b>	<b>71.406.897.978</b>	<b>35.040.047.552</b>	<b>52.250.000.000</b>	<b>270.800.000</b>	<b>(41.650.800.000)</b>	<b>117.316.945.530</b>

**10. Phải trả người bán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	83.735.355.268	127.687.438.525
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.196.281.495	9.635.226.030





**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Cộng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	85.931.636.763		137.322.664.555	
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	220.250.387	9.681.042.825	(9.024.910.168)	876.383.044
Thuế GTGT hàng nhập khẩu <sup>(*)</sup>	(175.498.083)	1.316.729.301	(1.141.231.218)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	810.296.946	(810.296.946)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu và GTGT bị truy thu	734.940.490	-	(734.940.490)	-
Thuế thu nhập cá nhân <sup>(*)</sup>	(64.539.140)	70.191.906	(36.258.799)	(30.606.033)
Các loại thuế khác <sup>(*)</sup>	(3.146.813.593)	3.169.778.840	(22.965.247)	-
<b>Cộng</b>	<b>(2.431.659.939)</b>	<b>15.048.039.818</b>	<b>(11.770.602.868)</b>	<b>845.777.011</b>

(\*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

*Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 3 cấp ngày 16 tháng 02 năm 2011, Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% lợi nhuận trong các năm tiếp theo; Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Năm nay hoạt động kinh doanh của Công ty có lợi nhuận, nhưng được chuyển lỗ từ các năm trước nên không phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

*Các loại thuế khác*



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**12. Phải trả người lao động**

Lương còn phải trả cho người lao động.

**13. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phép phải trả	-	435.380.000
Chi phí lãi vay	4.004.557.986	6.623.087.110
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	40.440.489.576	26.346.397.165
Chi phí phải trả khác	-	128.574.597
Cộng	<u>44.445.047.562</u>	<u>33.533.438.872</u>

**14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	36.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	78.188.341	210.765.014
Các khoản phải trả, phải nộp khác	370.820.004	109.614.391
Cộng	<u>449.008.345</u>	<u>320.415.405</u>

**15. Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay đồng tài trợ của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) bao gồm 2 hợp đồng vay sau:

- Hợp đồng tín dụng số 0017/ĐTDA/09CN ngày 23 tháng 9 năm 2009 trong đó quy định:
  - Hạn mức cho vay là 15.000.000.000 USD (trong đó VCB cho vay 5.000.000 USD, còn CFC cho vay 10.000.000 USD).
  - Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
  - Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng + lãi suất biên USD.
  - Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
  - Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng Công ty thép Việt Nam bảo lãnh.
- Hợp đồng tín dụng số 0012/ĐTDA/10CD ngày 12 tháng 4 năm 2010 trong đó quy định:



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

- Hạn mức cho vay là 132.650.000.000 VND (trong đó VCB cho vay 47.650.000.000 VND, còn CFC cho vay 85.000.000.000 VND).
- Mục đích vay là thanh toán chi phí đầu tư dự án bao gồm chi phí máy móc thiết bị, chi phí xây dựng và lãi vay trong thời gian xây dựng.
- Lãi suất vay bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng + lãi suất biên BND.
- Thời hạn vay là 108 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.
- Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản thuộc dự án và được Tổng Công ty thép Việt Nam bảo lãnh.

*Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	52.166.000.000	51.891.350.456
Trên 01 năm đến 05 năm	289.349.802.735	286.375.752.279
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>341.515.802.735</u></b>	<b><u>338.267.102.735</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay bằng tiền VND	90.628.102.735	(10.000.000.000)	-	80.628.102.735
Vay bằng tiền USD	247.639.000.000	(42.250.000.000)	3.332.700.000	208.721.700.000
<b>Cộng</b>	<b><u>338.267.102.735</u></b>	<b><u>(52.250.000.000)</u></b>	<b><u>3.332.700.000</u></b>	<b><u>289.349.802.735</u></b>

**16. Vốn chủ sở hữu**

*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phôi</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	(140.069.461.277)	59.930.538.723
Lợi nhuận trong năm	-	(79.849.862.308)	(79.849.862.308)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>(219.919.323.585)</u></b>	<b><u>(19.919.323.585)</u></b>
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	(219.919.323.585)	(19.919.323.585)
Lợi nhuận trong năm	-	7.698.397.431	7.698.397.431
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>200.000.000.000</u></b>	<b><u>(212.220.926.154)</u></b>	<b><u>(12.220.926.154)</u></b>

*Cổ phiếu*

<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
--------------------	-------------------



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	146.169.571.327	362.268.210.289
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	686.984.550	4.626.381.903
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	-	290.735.440.445
- <i>Doanh thu gia công</i>	130.891.229.471	50.552.934.648
- <i>Doanh thu bán phế liệu</i>	14.591.357.306	16.353.453.293
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(142.298.012)	(10.269.035.965)
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	-	(3.025.522.900)
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(7.160.082.847)
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	(142.298.012)	(83.430.218)
Doanh thu thuần	146.027.273.315	351.999.174.324
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	686.984.550	4.626.381.903
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	-	280.466.404.480
- <i>Doanh thu thuần gia công</i>	130.748.931.459	50.552.934.648
- <i>Doanh thu thuần bán phế liệu</i>	14.591.357.306	16.353.453.293

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
--	---------	-----------



TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng hóa	656.907.737	6.232.170.377
Giá vốn bán thành phẩm	-	299.042.998.571
Giá vốn gia công	65.698.329.744	35.955.196.833
Giá vốn bán phế liệu	14.096.868.935	19.986.962.495
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(7.478.601.215)
Cộng	<u>80.452.106.416</u>	<u>353.738.727.061</u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	187.911.330	304.231.262
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	37.090.540	136.971.910
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	243.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.562.100
Lãi bán hàng trả chậm	-	271.648.878
Cộng	<u>225.001.870</u>	<u>957.414.150</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	25.652.548.558	34.432.039.213
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	16.578.085.706	27.763.102.672
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.569.906.325	38.339.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.590.741.088	5.247.391.576
Cộng	<u>50.391.281.677</u>	<u>67.480.873.343</u>
<b>5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.741.029.609	3.018.704.931
Chi phí đồ dùng văn phòng	452.989.058	17.608.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.000.000	601.546.943
Thuế, phí và lệ phí	-	20.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.316.433.618	4.803.701.898
Chi phí khác	1.862.293.401	2.294.656.758
Cộng	<u>7.392.745.686</u>	<u>10.756.219.441</u>
<b>6. Thu nhập khác</b>		



TN FLAT STEEL

**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý thép	18.163.635	235.395.862
Thu nhập khác	190.924.466	79.759.117
Cộng	<u>209.088.101</u>	<u>315.154.979</u>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bị phạt, truy thu	16.049.337	994.187.017
Các khoản chi phí khác	510.782.739	115.117.324
Cộng	<u>526.832.076</u>	<u>1.109.304.341</u>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.698.397.431	(79.849.862.308)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>385</u>	<u>(3.992)</u>
<b>9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.242.324.928	20.315.341.336
Chi phí nhân công	10.467.891.347	10.857.417.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.844.735.557	20.790.722.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.965.520.511	16.799.331.264
Chi phí khác	5.531.539.388	3.669.056.005
Cộng	<u>89.052.011.731</u>	<u>72.431.868.255</u>

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	708.684.528	605.300.755
Thưởng	91.926.818	41.280.000
Phụ cấp	35.080.000	41.518.182
Cộng	<u>835.691.346</u>	<u>688.098.937</u>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty thép Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh	Cổ đông sáng lập
Công ty thép tấm lá Phú Mỹ	Là công ty con của Tổng Công ty thép Việt Nam
Công ty TNHH một thành viên cơ khí thép SMC	Là công ty con của Công ty cổ phần đầu tư thương mại SMC - Cổ đông sáng lập
Công ty tôn Phương Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty TNHH thép Trung Nguyên	Cổ đông sáng lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty thép Việt Nam</i>		
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	938.928.458	16.056.917.487
Lãi vay phải trả nhận nợ	6.512.541.860	1.268.901.539
Nhận nợ để trả gốc vay	35.040.047.552	30.110.897.978
Cung cấp dịch vụ gia công	130.579.549.471	250.164.975.353

*Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh*



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi trả chậm mua nguyên vật liệu	6.064.517.054	7.678.707.176
<i>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ</i>		
Mua vật tư và phí gia công	1.504.916.429	5.320.636.418
Cung cấp dịch vụ gia công	686.984.550	-
Lãi trả chậm	3.062.098.334	4.080.217.951
Bán thành phẩm	-	539.460.000
Mua dịch vụ	566.146.850	-
<i>Công ty TNHH một thành viên cơ khí thép SMC</i>		
Mua nguyên vật liệu	-	10.029.150
<i>Công ty TNHH thép Trung Nguyên</i>		
Bán thành phẩm	-	24.126.495.296
Lãi chậm trả	-	271.648.878
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty thép Việt Nam</i>		
Tiền gia công phải thu	5.585.582.628	-
Cộng nợ phải thu	<u>5.585.582.628</u>	<u>-</u>
<i>Tổng Công ty thép Việt Nam</i>		
Tiền mua nguyên vật liệu	-	37.949.861.296
Nhận nợ để trả gốc vay	65.150.945.530	30.110.897.978
Lãi vay phải trả	7.781.443.399	1.268.901.539
Lãi trả chậm	13.242.951.111	16.056.917.487
<i>Công ty cổ phần kim khí TP. Hồ Chí Minh</i>		
Tiền mua nguyên vật liệu	50.426.880.620	54.426.880.620
Lãi trả chậm	12.326.518.723	6.262.001.669
<i>Công ty thép tấm lá Phú Mỹ</i>		





**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mua nguyên vật liệu	29.668.883.574	32.500.930.299
Lãi trả chậm	7.089.576.343	4.027.478.009
Cộng nợ phải trả	185.687.199.300	182.603.868.897

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Ngoài ra Tổng Công ty thép Việt Nam còn bảo lãnh cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (VCB) và Công ty tài chính cổ phần xi măng (CFC) (xem thuyết minh số V.15).

**2. Các sai sót**

Công ty bị truy thu thuế giá trị gia tăng và nhập khẩu do kê khai sai mã số, thuế suất thuế nhập khẩu một số mặt hàng.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

		Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Bảng cân đối kế toán</i>				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	220.250.387	734.940.490	955.190.877
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(219.184.383.095)	(734.940.490)	(219.919.323.585)
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Chi phí khác	32	374.363.851	734.940.490	1.109.304.341

*Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

		Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán	Số liệu sau điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số	năm trước	Các điều chỉnh	chỉnh
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(359.674.706.924)	734.940.490	(358.939.766.434)

**3. Quản lý rủi ro tài chính**

*Tổng quan*

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng.

*Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

*Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	117.316.945.530	289.349.802.735	-	406.666.748.265
Phải trả người bán	85.931.636.763	-	-	85.931.636.763
Các khoản phải trả khác	44.815.867.566	-	-	44.815.867.566
<b>Cộng</b>	<b>248.064.449.859</b>	<b>289.349.802.735</b>	<b>-</b>	<b>537.414.252.594</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	78.029.985.088	324.995.752.279	13.271.350.456	416.297.087.823
Phải trả người bán	137.322.664.555	-	-	137.322.664.555
Các khoản phải trả khác	320.415.405	-	-	320.415.405
<b>Cộng</b>	<b>215.673.065.048</b>	<b>324.995.752.279</b>	<b>13.271.350.456</b>	<b>553.940.167.783</b>

*Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá và lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

*Rủi ro ngoại tệ*



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TẤM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	<b>300,97</b>	<b>1.445,89</b>
Vay và nợ	<b>(11.900.000,00)</b>	<b>(13.500.000,00)</b>
Phải trả người bán	<b>(78.400,00)</b>	<b>(463.009,42)</b>
Các khoản phải trả khác	<b>(151.341,67)</b>	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	<u>(12.129.440,70)</u>	<u>(13.961.563,53)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.114.499.964 VND (năm trước giảm/tăng 5.812.006.300 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
<b>Vay và nợ</b>	<b>(155.779.048.265)</b>	<b>(11.900.000,00)</b>	<b>(128.739.000.713)</b>	<b>(13.500.000,00)</b>
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	<u>(155.779.048.265)</u>	<u>(11.900.000,00)</u>	<u>(128.739.000.713)</u>	<u>(13.500.000,00)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% và các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 5.624.457.965 VND (năm trước giảm/tăng 5.386.560.014 VND). Mức

độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

*Tài sản đảm bảo*

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

*Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4.346.337.232</b>	<b>-</b>	<b>4.463.825.835</b>	<b>-</b>	<b>4.346.337.232</b>	<b>4.463.825.835</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>5.696.110.628</b>	<b>-</b>	<b>16.971.242</b>	<b>-</b>	<b>5.696.110.628</b>	<b>16.971.242</b>
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.139.640.542</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.139.640.542</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.042.447.860</b>	<b>-</b>	<b>7.620.437.619</b>	<b>-</b>	<b>10.042.447.860</b>	<b>7.620.437.619</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay và nợ</b>	<b>406.666.748.265</b>	<b>409.674.000.713</b>	<b>406.666.748.265</b>	<b>409.674.000.713</b>
<b>Phải trả người bán</b>	<b>85.931.636.763</b>	<b>137.322.664.555</b>	<b>85.931.636.763</b>	<b>137.322.664.555</b>
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>44.815.867.566</b>	<b>33.853.854.277</b>	<b>44.815.867.566</b>	<b>33.853.854.277</b>
<b>Cộng</b>	<b>537.414.252.594</b>	<b>580.850.519.545</b>	<b>537.414.252.594</b>	<b>580.850.519.545</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất



**TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TÂM LÁ THÔNG NHẤT**

Báo Cáo Thường Niên 2014

rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

5. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

*Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có khoản lỗ lũy kế là 212.220.926.154 VND và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn 206.101.944.713 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.*

BRVT, ngày 26 tháng 03 năm 2014

**Tổng Giám Đốc**



Nguyễn Văn Đại